ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2018/QĐ-UBND	*Bắc Kạn, ngày tháng năm 2018*

(Dự thảo)

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định về công nhận và một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-SNN ngày tháng năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công nhận và một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Văn hóa -Thể thao và Du lịch; Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bắc Kạn; Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ NN và PTNT;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục KT văn bản - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- CVP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lý Thái Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về công nhận và một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2018/QĐ-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nội dung, tiêu chí, trình tự thủ tục công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống. Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, hỗ trợ phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn) bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan tới công tác quản lý ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Nghề truyền thống* là nghề đã được hình thành từ lâu đời, tạo ra những sản phẩm độc đáo, có tính riêng biệt, được lưu truyền và phát triển đến ngày nay hoặc có nguy cơ bị mai một, thất truyền.

2. *Làng nghề* là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, bản, làng hoặc các điểm dân cư tương tự tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn quy định tại điều 4 Quyết định này.

3. *Làng nghề truyền thống* là làng nghề có nghề truyền thống được hình thành từ lâu đời.

Điều 4. Các hoạt động ngành nghề nông thôn

Các hoạt động ngành nghề nông thôn trong quy định này, bao gồm:

1. Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản.

2. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.

3. Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn.

4. Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ.

5. Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh.

6. Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn.

Chương II

CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Điều 5. Mục đích công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Ghi nhận những đóng góp và tôn vinh những sản phẩm đặc trưng của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

2. Khuyến khích, động viên nhân dân địa phương tích cực tham gia hoạt động sản xuất, nâng cao ý thức, trách nhiệm xây dựng, phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho lao động địa phương.

3. Khuyến khích, động viên thợ thủ công trong các làng nghề có trình độ cao về tay nghề và kinh nghiệm trong sản xuất: Nghiên cứu, sáng tác, phục hồi, phục chế các sản phẩm và du nhập nghề mới, sản xuất ra nhiều sản phẩm có giá trị kinh tế, kỹ thuật và mỹ thuật cao mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

4. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước lĩnh vực ngành nghề nông thôn, góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Điều 6. Nguyên tắc, thẩm quyền việc xét công nhận và thu hồi giấy công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Nguyên tắc:

a) Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống chỉ được xét công nhận khi đảm bảo đầy đủ các tiêu chí theo quy định.

b) Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận sau 05 năm không đạt các tiêu chí theo quy định sẽ bị thu hồi giấy công nhận. UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm tổng hợp danh sách, gửi UBND tỉnh(qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét, thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

2. Thẩm quyền:

Thẩm quyền xét công nhận, thu hồi giấy công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Điều 7. Tên của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Tên của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống phải được lấy tên chính thức trước hoặc gắn với tên địa danh của một xã, phường, thị trấn, tên của tổ chức cá nhân. Nếu là làng có nhiều nghề phát triển, thì xét các tiêu chí: Nghề nổi tiếng nhất, nghề có giá trị sản xuất, thu nhập lớn nhất, tính bền vững nhất để đặt tên cho làng nghề hoặc có thể đặt tên theo lĩnh vực hoạt động. Việc đặt tên làng nghề do nhân dân trong làng bàn bạc thống nhất và đề nghị UBND cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 8. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống:

Nghề được công nhận là nghề truyền thống phải đạt cả 03 tiêu chí sau:

a) Nghề đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm và hiện đang tiếp tục phát triển tính đến thời điểm đề nghị công nhận.

b) Nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc.

c) Nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề.

2. Tiêu chí công nhận làng nghề:

Làng nghề được công nhận phải đạt cả 03 tiêu chí sau:

a) Có tối thiểu 20% tổng số hộ trên địa bàn tham gia một trong các hoạt động hoặc các hoạt động ngành nghề nông thôn.

b) Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 02 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị công nhận.

c) Đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Tiêu chí công nhận làng nghề truyền thống:

Làng nghề truyền thống phải đạt tiêu chí làng nghề tại khoản 2 điều này và có ít nhất một nghề truyền thống theo khoản 1 điều này.

Điều 9. Hồ sơ công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Hồ sơ đề nghị xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống:

a) Hồ sơ đề nghị xét công nhận nghề truyền thống.

- Bản tóm tắt quá trình hình thành, phát triển của nghề truyền thống, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã *(Phụ lục 1)*.

- Bản sao giấy chứng nhận, huy chương đã đạt được trong các cuộc thi, triển lãm trong nước và quốc tế hoặc có tác phẩm đạt nghệ thuật cao được cấp tỉnh trở lên trao tặng *(nếu có)*. Đối với những tổ chức, cá nhân không có điều kiện tham dự các cuộc thi, triển lãm hoặc không có tác phẩm đạt giải thưởng thì phải có bản mô tả đặc trưng mang bản sắc văn hóa dân tộc của nghề truyền thống.

- Bản sao giấy công nhận Nghệ nhân của cơ quan có thẩm quyền *(nếu có)*.

b) Hồ sơ đề nghị xét công nhận làng nghề.

- Danh sách các hộ tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã *(phụ lục 2)*.

- Bản tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn trong 02 năm gần nhất *(phụ lục 3)*.

- Các văn bản đảm bảo điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường làng nghề.

c) Hồ sơ đề nghị xét công nhận làng nghề truyền thống.

- Hồ sơ đề nghị xét công nhận làng nghề truyền thống gồm các văn bản quy định tại điểm a, b, khoản 1 Điều này.

- Trường hợp đã được công nhận làng nghề, hồ sơ thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều này. Nếu chưa được công nhận làng nghề, nhưng có nghề truyền thống đã được công nhận, hồ sơ thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này.

2. Hồ sơ xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống của Hội đồng xét công nhận tỉnh Bắc Kạn bao gồm:

- Quyết định thành lập Hội đồng công nhận;

- Phiếu bầu;

- Biên bản kiểm phiếu;

- Biên bản họp Hội đồng;

- Tờ trình đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống của Hội đồng.

Điều 10. Trình tự xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. UBND các huyện, thành phố hướng dẫn tổ chức, cá nhân có nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đạt tiêu chí tại Điều 8 của Quy định này, lập hồ sơ kèm theo đơn đề nghị công nhận gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện *(Phụ lục 04)*. Hồ sơ gồm 10 bộ gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức đánh giá hồ sơ *(Phụ lục 05)*, trình Ủy ban nhân dân tỉnh qua đơn vị tiếp nhận hồ sơ là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *(Phụ lục 6)*. Hồ sơ gồm 09 bộ gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Hằng năm: Hội đồng xét công nhận cấp tỉnh tổ chức xét công nhận một lần. Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) từ ngày 20/9 đến trước ngày 30/9; trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Hội đồng tổ chức xét và đề nghị công nhận.

Điều 11. Thành lập Hội đồng xét công nhận

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét công nhận, đồng thời là cơ quan thường trực của Hội đồng. Sau khi nhận hồ sơ đề nghị xét công nhận hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định, chọn những nghề, làng nghề và làng nghề truyền thống đủ tiêu chuẩn theo Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Quy định này, báo cáo Chủ tịch Hội đồng cấp tỉnh tổ chức xét công nhận, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

2. Hội đồng xét công nhận gồm:

a) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Chủ tịch Hội đồng;

b) Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Phó Chủ tịch Hội đồng;

c) Lãnh đạo các Sở: Công thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Lao động Thương binh và Xã hội; Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ủy viên;

d) Đại diện Liên minh HTX tỉnh, Hiệp hội thủ công mỹ nghệ *(nếu có)* và một số tổ chức cá nhân khác *(nếu có)* - Ủy viên;

Điều 12. Nhiệm vụ của Hội đồng

Hội đồng cấp tỉnh có nhiệm vụ tổ chức họp, xét hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Điều 13. Phương thức, cơ chế hoạt động của Hội đồng

1. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể thông qua các phiên họp dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng (khi được ủy quyền). Hồ sơ xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống phải gửi đến các thành viên Hội đồng trước phiên họp của Hội đồng ít nhất 03 ngày. Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, bố trí thời gian tham dự đầy đủ các phiên họp.

2. Kỳ họp đánh giá xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống của Hội đồng phải có ít nhất 3/4 số thành viên tham dự.

3. Hội đồng xét công nhận thông qua hình thức bỏ phiếu kín và được thực hiện công khai, dân chủ, khách quan. Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận phải đạt ít nhất 2/3 số phiếu đề nghị trên tổng số thành viên có mặt tham dự phiên họp.

4. Hội đồng chỉ xem xét các hồ sơ của các tổ chức, cá nhân lập theo đúng nội dung, trình tự, thủ tục và thời gian theo quy định. Các trường hợp hồ sơ không lập đúng nội dung, trình tự và thời gian thì Hội đồng không xem xét công nhận và trả lời lý do bằng văn bản.

5. Hội đồng xét công nhận hằng năm được thành lập khi có yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh ra quyết định thành lập.

Chương III

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN, NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN

Điều 14. Hỗ trợ trực tiếp

1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ: Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, được hỗ trợ 01 lần sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận, như sau:

Vận dụng điểm b, khoản 1; điểm a khoản 2 Điều 73 Nghị định số 91/2017 NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

a) Đối với cá nhân: Được thưởng 1,0 lần mức lương cơ sở;

b) Đối với tập thể: Được thưởng 2,0 lần mức lương cơ sở.

2. Nguồn Kinh phí hỗ trợ: Quỹ Thi đua-Khen thưởng tỉnh quản lý.

Điều 15. Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các làng nghề

1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ: Các làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận.

2. Nội dung hỗ trợ: Đầu tư, cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng làng nghề gồm đường giao thông, điện, nước sạch; hệ thống tiêu, thoát nước; xây dựng trung tâm, điểm bán hàng và giới thiệu sản phẩm làng nghề.

3. Mức hỗ trợ:

3.1. Đối với đầu tư, cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng làng nghề gồm đường giao thông, điện, nước sạch; hệ thống tiêu, thoát nước: Áp dụng theo Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia, giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 10/2015/NQ-HĐND ngày 03/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc quy định mức hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2015-2020 và các văn bản mới khi có thay thế các văn bản nêu trên.

3.2. Đối với xây dựng trung tâm, điểm bán hàng và giới thiệu sản phẩm làng nghề: Áp dụng theo Điểm 2, Điều 6, Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020.

4. Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, các chương trình mục tiêu và ngân sách địa phương.

Điều 16. Chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn

1. Dự án phát triển ngành nghề nông thôn tại địa phương thực hiện

a) Đối tượng hỗ trợ xây dựng dự án: Cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tại địa phương.

b) Nội dung chi hỗ trợ dự án: Mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất; thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo dự án; tập huấn cho người tham gia dự án, tổng kết dự án; quản lý dự án.

c) Nguyên tắc ưu tiên: Dự án chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với công nghệ tiên tiến và thiết bị đồng bộ trong thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường; dự án thuộc chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề; dự án phát triển hàng thủ công mỹ nghệ đáp ứng nhu cầu trong nước hoặc xuất khẩu; dự án sản xuất, cung cấp nguyên vật liệu phục vụ phát triển ngành nghề nông thôn; dự án sản xuất, chế tạo thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn; dự án phát triển sinh vật cảnh; Dự án làng nghề gắn với phát triển du lịch sinh thái; Dự án sản xuất các sản phẩm từ phế, phụ phẩm nông nghiệp.

d) Mức hỗ trợ tối đa 50% nhưng không quá 300 triệu đồng/dự án

Mức chi vận dụng theo Khoản 3, Điều 1, Nghị Quyết số 41/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc quy định một số nội dung về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, cụ thể:

- Mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất: tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án .

- Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo dự án: tối đa không quá 6 tháng lương cơ bản

- Mức chi hội nghị, hội thảo, tập huấn, tổng kết thực hiện các nội dung của dự án: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp; Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp.

- Quản lý dự án: không quá 8% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ Dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình khuyến nông, khuyến công và ngân sách địa phương.

Ngoài các chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề đã nêu tại quy định này thì các chính sách khác được áp dụng theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của các Sở, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn(Chi cục Phát triển nông thôn)

a) Là cơ quan chủ trì, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực phát triển ngành nghề nông thôn, nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống;

b) Là cơ quan thường trực của Hội đồng xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống của tỉnh, đồng thời là đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và đơn thư khiếu nại (nếu có);

c) Tổng hợp xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, kinh phí hỗ phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

d) Làm đầu mối các quan hệ hợp tác trong lĩnh vực phát triển ngành nghề nông thôn;

đ) Chủ trì tổ chức thẩm định, trình duyệt và công bố Quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh về nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; phối hợp với các Sở, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế chính sách, đề xuất giải pháp phát triển ngành nghề nông thôn;

e) Giới thiệu danh sách thành viên Hội đồng xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định;

g) Xây dựng kế hoạch, kinh phí phục vụ cho công tác thẩm định, xét duyệt công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm; tiếp nhận và quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật;

h) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tình hình phát triển ngành nghề nông thôn tại địa phương cũng như những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị chính sách phát triển ngành nghề nông thôn.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tổ chức thống kê, phân loại và đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường để có cơ sở công nhận làng nghề. Xác nhận các làng nghề đáp ứng đủ tiêu chí về bảo vệ môi trường kịp thời, giúp cho công tác xét công nhận hàng năm được thuận lợi;

b) Hướng dẫn giải quyết các thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các cơ sở ngành nghề nông thôn theo quy định pháp luật về đất đai; Bố trí quỹ đất cho phát triển ngành nghề nông thôn trong quy hoạch sử dụng đất.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương tham mưu cho UBND tỉnh mức hỗ trợ di dời ra khỏi khu dân cư các cơ sở ngành nghề nông thôn gây ô nhiễm môi trường (nếu có).

d) Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thực hiện, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện tốt Quy định này.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán kinh phí của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định và tham mưu cho UBND tỉnh xem xét bố trí kinh phí thực hiện chính sách. Tổng hợp, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp với Sở Tài chính cân đối, bảo đảm bố trí đủ nhu cầu vốn hỗ trợ làng nghề theo kế hoạch thực hiện chính sách.

b) Phối hợp với các Sở, ngành liên quan kiểm tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng làng nghề và các nội dung khác theo chức năng.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Tổ chức thực hiện đào tạo nghề phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương tham mưu cho UBND tỉnh mức hỗ trợ một phần chi phí lớp học cho các cơ sở ngành nghề nông thôn trực tiếp mở lớp truyền nghề (nếu có).

c) Hướng dẫn, kiểm tra các điều kiện về tổ chức dạy nghề của các tổ chức, cá nhân tham gia dạy nghề theo quy định hiện hành.

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT kiểm tra, giám sát việc thực hiện đào tạo nghề, truyền nghề và tổng hợp kết quả, hiệu quả dạy nghề trên địa bàn tỉnh.

6. Ngân hàng Nhà nước: Chỉ đạo các Ngân hàng Thương mại, Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân được vay vốn ưu đãi đầu tư thực hiện Quy định này.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chỉ đạo bố trí kinh phí hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ cho lĩnh vực phát triển ngành nghề nông thôn trong kế hoạch hàng năm.

b) Hướng dẫn, quản lý công nghệ sản xuất, hạn chế việc đưa công nghệ cũ, lạc hậu vào làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn và khu vực dân cư nông thôn gây ô nhiễm môi trường.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, giới thiệu, phổ biến công nghệ sản xuất thân thiện môi trường đối với làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn.

d) Hướng dẫn trình tự, thủ tục xây dựng thương hiệu, bảo hộ sở hữu trí tuệ, công nghiệp đối với các sản phẩm nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

8. Sở Xây dựng: Có trách nhiệm hướng dẫn cấp xã trong quá trình rà soát điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới gắn với phát triển các làng nghề, nhằm huy động các nguồn lực để phát triển các làng nghề.

9. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch:Có trách nhiệm thực hiện các dự án bảo tồn làng nghề truyền thống; chỉ đạo phát triển các tour, tuyến du lịch gắn với phát triển làng nghề; tổ chức các lớp tập huấn kiến thức du lịch cộng đồng, kỹ năng giao tiếp cho các thành viên làng nghề để phục vụ khách du lịch tham quan, mua sắm; chỉ đạo vận động các cơ sở lưu trú du lịch, điểm tham quan du lịch trên đi bàn tỉnh nhận trưng bày, ký gửi tiêu thụ sản phẩm của làng nghề.

10. Công an tỉnh: Tăng cường công tác đảm bảo an ninh, trật tự, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển của các ngành nghề nông thôn, nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh.

11. Sở Công thương:

- Hướng dẫn trình tự, thủ tục xây dựng mẫu mã bao bì, nhãn mác hàng hóa phù hợp với thị trường đối với các sản phẩm nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.
- Có trách nhiệm hỗ trợ xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm của làng nghề.

12. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Sở Nội vụ): Chủ trì Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Bằng công nhận nghề

truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận và hướng dẫn việc sử dụng tiền thưởng theo Khoản 1, Điều 14, Quyết định này.

13. Các Sở, ngành có liên quan khác: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp thẩm định, đề xuất các chính sách và bố trí kinh phí theo phân cấp để hỗ trợ nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống phát triển.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương hướng dẫn các làng nghề tổ chức thực hiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật;

2. Xây dựng kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn, nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn nhằm khai thác, phát huy ngành nghề thế mạnh của địa phương gắn với bảo vệ môi trường; phối hợp với các Sở, ngành, tổ chức liên quan tạo điều kiện để các làng nghề thực hiện các chính sách của Nhà nước về khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn.

3. Chỉ đạo các phòng, ban liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn rà soát nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đủ tiêu chuẩn và tổng hợp hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổ chức đánh giá và tổng hợp chung.

4. Lập danh sách nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống không đủ tiêu chí gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi giấy công nhận.

5. Báo cáo tình hình phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn

1. Phân công 01 đồng chí lãnh đạo Ủy ban nhân dân trực tiếp phụ trách công tác phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề.

2. Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chính sách khuyến khích phát triển làng nghề tới các tổ chức, cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn.

3. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ trên địa bàn theo quy định này và các quy định khác của pháp luật.

4. Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển làng nghề theo quy định.

5. Tổng hợp báo cáo định kỳ và đột xuất với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về kết quả thực hiện chính sách trên địa bàn, đề xuất, kiến nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung những nội dung chính sách chưa phù hợp.

Điều 20. Trách nhiệm của các làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống phải gắn với xây dựng nông thôn mới và các phong trào xã hội khác. Huy động, khuyến khích, tạo điều kiện để các nghệ nhân, thợ giỏi truyền nghề, dạy nghề cho người lao động; duy trì, phát triển làng nghề ổn định, bền vững.

2. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các làng nghề, làng nghề truyền thống phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và tuân thủ các quy định của pháp luật về các vấn đề có liên quan khác: an ninh, trật tự an toàn xã hội, lao động, bảo vệ môi trường, bảo vệ di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh.

3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung, đề nghị các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn; làng nghề phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

PHỤ LỤC 01

MẪU BÁO CÁO QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ TRUYỀN THỐNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2018/QĐ-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày….tháng….năm 20...

BÁO CÁO

Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển nghề truyền thống

Của làng.....

Kính gửi: UBND huyện (thành phố).....

- Tên làng:.....
- Địa chỉ:.....
- Ngành nghề sản xuất, kinh doanh:.....

Báo cáo tóm tắt quá trình hình thành, phát triển nghề truyền thống của làng..... …….. theo một số nội dung dưới đây:

1. Nghề truyền thống của làng được hình thành từ năm……..cho đến năm……..

2. Quá trình phát triển nghề truyền thống của làng.

- Quá trình hình thành, du nhập, phát triển nghề truyền thống của làng.
- Số hộ, lao động tham gia làng nghề từ khi hình thành cho đến nay.
- Các loại sản phẩm cơ bản nghề truyền thống sản xuất.
- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của làng nghề.
- Một số nội dung khác như: Doanh thu chung của làng nghề; thu nhập bình quân của lao động; vốn cho hoạt động làm nghề truyền thống; công nghệ nghề truyền thống của làng đang áp dụng.

3. Ý kiến xác nhận của người cao tuổi trong làng nắm rõ về nghề truyền thống của làng (nếu có).

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ (PHƯỜNG)	**ĐẠI DIỆN LÀNG** *(Trưởng thôn ký, ghi rõ họ tên)*

CHỦ TỊCH
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Hộ cá thể có thể sử dụng biểu mẫu này.

PHỤ LỤC 02

MẪU BÁO CÁO DANH SÁCH HỘ THAM GIA LÀNG NGHỀ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2018/QĐ-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày….tháng….năm 20...

DANH SÁCH HỘ THAM GIA LÀM NGHỀ.....

CỦA LÀNG.....

1. Địa chỉ:.....

2. Tổng số hộ của làng.....(hộ).

3. Số hộ trong làng tham gia làm nghề.

STT	**Họ và tên chủ hộ có tham gia hoạt động làm nghề**	**Số khẩu**	**Tổng số lao động của hộ**	**Lao động có tham gia làm nghề**	**Trong đó**		**Chữ ký xác nhận của chủ hộ**
					Lao động làm chuyên	Lao động làm nghề thời vụ	
1							
2 ...							

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, (PHƯỜNG)…….

ĐẠI DIỆN LÀNG
(Trưởng thôn ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 03

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA LÀNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2018/QĐ-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày….tháng….năm 20...

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của làng.....

Kính gửi: UBND huyện (thành phố).....

- Tên làng.....
- Địa chỉ:.....

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh:.....

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của làng ..... từ 02 năm trở lại đây theo một số nội dung chủ yếu dưới đây:

1. Nêu tóm tắt sự biến động số hộ trong làng tham gia hoạt động nghề của làng.
2. Tình hình số lượng lao động của làng tham gia hoạt động nghề.
3. Các loại sản phẩm chủ yếu và số lượng sản phẩm mà nghề của làng sản xuất qua từng năm.
4. Giá bán bình quân của sản phẩm trên thị trường.
5. Thị trường tiêu thụ chính sản phẩm của làng nghề (trong tỉnh, trong nước và nước ngoài).
6. Thu nhập bình quân của một hộ trong làng/1 năm trong đó thu nhập từ làm nghề 1 năm.
7. Thu nhập bình quân của một lao động trong làng/1 năm, trong đó thu nhập từ hoạt động làm nghề/1 năm.
8. Vốn cho hoạt động làm nghề của làng.
9. Công nghệ đang áp dụng làm nghề.
10. Công tác bảo vệ môi trường.
11. Các khoản phải đóng góp từ hoạt động làm nghề đối với địa phương (nếu có)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, (PHƯỜNG)…….	**ĐẠI DIỆN LÀNG** *(Trưởng thôn ký, ghi rõ họ tên)*

CHỦ TỊCH

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Hộ cá thể có thể sử dụng biểu mẫu này.

PHỤ LỤC 04

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN LÀNG NGHỀ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2018/QĐ-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Công nhận nghề truyền thống (làng nghề, làng nghề truyền thống)

Kính gửi: UBND huyện (thành phố).....

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính Phủ về phát triển ngành nghề nông thôn ;

Căn cứ Quyết định số...../2018/QĐ-UBND ngày... tháng.... năm 2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định công nhận và một số chính sách hỗ trợ phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Sau quá trình hình thành, phát triển nghề và triển khai xây dựng theo các tiêu chí làng nghề; Làng tự xét thấy đã đạt được những tiêu chí về làng nghề gồm:

1. Số hộ tham gia làm nghề là……hộ, chiếm……% tổng số hộ của làng.

2. Giá trị sản xuất (hoặc doanh thu), thu nhập từ nghề……của làng…… trong 2 năm liên tiếp gần đây:

+ Năm……: Giá trị sản xuất (hoặc doanh thu) thực hiện đạt……triệu đồng, chiếm……% tổng giá trị sản xuất (hoặc doanh thu) của làng; thu nhập từ nghề đạt ……triệu đồng, chiếm……% tổng thu nhập của làng.

+ Năm……: Giá trị sản xuất (hoặc doanh thu) thực hiện đạt …… triệu đồng, chiếm……% tổng giá trị sản xuất (hoặc doanh thu) của làng; thu nhập từ nghề đạt ……triệu đồng, chiếm……% tổng thu nhập của làng.

3. Các sản phẩm chủ yếu của làng……là:……
……

4. Làng…… sản xuất nghề theo quy định của pháp luật, chấp hành đầy đủ các quy định hiện hành của Nhà nước về chính sách và vệ sinh môi trường.

Làng……đề nghị UBND các cấp và cơ quan có liên quan xem xét, công nhận:

- Tên làng:……..
- Thuộc xã (phường):……
- huyện (TP):……
- Làm nghề:……..

Là làng đạt Nghề truyền thống (làng nghề hoặc làng nghề truyền thống)./.

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, (PHƯỜNG)…….	**ĐẠI DIỆN LÀNG**
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Trưởng thôn ký, ghi rõ họ tên)*

PHỤ LỤC 05

MẪU BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ LÀNG NGHỀ CỦA UBND HUYỆN (TP)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2018/QĐ-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN (TP)……** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

……, ngày……tháng……năm 20…

BIÊN BẢN

Đánh giá các tiêu chí Nghề truyền thống (làng nghề hoặc làng nghề truyền thống)

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính Phủ về phát triển ngành nghề nông thôn ;

Căn cứ Quyết định số...../2018/QĐ-UBND ngày... tháng.... năm 2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định công nhận và một số chính sách hỗ trợ phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống (làng nghề, làng nghề truyền thống) của làng.....thuộc xã (phường)..... ngày……tháng……năm……;

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm ……, UBND huyện (TP).....tiến hành đánh giá các tiêu chí Nghề truyền thống (làng nghề hoặc làng nghề truyền thống) của:

- Làng:.....

- Thuộc xã (phường):……; huyện (TP):.....

Các thành viên tham gia đánh giá:

1. Ông/Bà:.....Chức vụ:.....
2. Ông/Bà:.....Chức vụ:.....
3. Ông/Bà:.....Chức vụ:.....
4. Ông/Bà:.....Chức vụ:.....
5. Ông/Bà:.....Chức vụ: Đại diện Lãnh đạo UBND xã.

6. Ông/Bà:.....Chức vụ: Trưởng làng sản xuất nghề

7. Ông/Bà:.....Chức vụ: Đại diện hộ làm nghề

Sau khi khảo sát, đánh giá quá trình hình thành, phát triển của làng, UBND huyện (TP) thống nhất kết quả dưới đây:

1. Số hộ tham gia làm nghề là.....hộ, chiếm.....% tổng số hộ của làng.

2. Giá trị sản xuất (hoặc doanh thu, hoặc thu nhập) từ nghề.....của làng..... 2 năm liên tiếp.

+ Năm……: giá trị sản xuất (hoặc doanh thu, hoặc thu nhập); Thực hiện đạt ……triệu đồng, chiếm……% tổng giá trị sản xuất (hoặc doanh thu; hoặc thu nhập) của làng;

+ Năm……: giá trị sản xuất (hoặc doanh thu, hoặc thu nhập); Thực hiện đạt ……triệu đồng, chiếm……% tổng giá trị sản xuất (hoặc doanh thu; hoặc thu nhập) của làng;

3. Các sản phẩm chủ yếu của nghề.....là.....

4. Làng .....sản xuất theo đúng quy định của pháp luật, có tổ chức và hoạt động xã hội về nghề.....đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định hiện hành về chính sách của nhà nước và vệ sinh môi trường. Làng.....đã đạt (hoặc không đạt) các tiêu chí công nhận làng nghề.

UBND huyện (TP) thống nhất (hoặc không thống nhất) đạt danh hiệu nghề truyền thống (hoặc làng nghề truyền thống).

Biên bản được lập thành vào hồi.....ngày.....tháng.....năm.....

Các thành viên tham gia họp đều nhất trí và ký tên.

Biên bản được lập thành.....bản có giá trị pháp lý như nhau. Trong đó UBND huyện (TP) 01 bản, 09 bản lập hồ sơ gửi UBND tỉnh./.

TM. UBND XÃ (PHƯỜNG) *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*	**TM. UBND HUYỆN (TP)** *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*
ĐẠI DIỆN HỘ LÀM NGHỀ *(Ký và ghi rõ họ tên)*	**TRƯỞNG THÔN** *(Ký và ghi rõ họ tên)*

PHỤ LỤC 06

MẪU TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ XÉT, CÔNG NHẬN LÀNG NGHỀ
(*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2018/QĐ-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN (TP)……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/TTr-UBND	*……, ngày……tháng……năm 201…*

TỜ TRÌNH

Về việc công nhận Nghề truyền thống (làng nghề hoặc làng nghề truyền thống)

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT.

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính Phủ về phát triển ngành nghề nông thôn ;

Căn cứ Quyết định số...../2018/QĐ-UBND ngày... tháng.... năm 2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định công nhận và một số chính sách hỗ trợ phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Biên bản đánh giá các tiêu chí Nghề truyền thống (làng nghề hoặc làng nghề truyền thống) ngày tháng năm (Biên bản của huyện có hồ sơ kèm theo);

UBND huyện (TP).....đề nghị Sở Nông nghiệp & PTNT Bắc Kạn thẩm định và trình UBND tỉnh Bắc Kạn xét công nhận nghề (làng nghề), xã (phường).....huyện (TP).....tỉnh Bắc Kạn là Nghề truyền thống (làng nghề, làng nghề truyền thống)./.

Nơi nhận: - Như kính gửi; - Sở NN&PTNT; - Lưu: VT.	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **HUYỆN (TP)** **CHỦ TỊCH**